ĐỀ SỐ 1 (UNIT 7 & 8)

I - Complete the following sentences using the given words in the box. There is ONE extra word.

equipment	common	documentary	cartoon

1. The_____is my little boys' favourite programme on TV, especially Tom and Jerry.
2. I watched a_____yesterday. It gave facts about World War II.
3. Good sport_____is important to athlete's performance.

II - Give the correct forms of the word in brackets to complete the following sentences.

1. "Conquer the exam" on VTV7 is made for_____purpose. (EDUCATE)
2. Nowadays many interesting sport_____are live on TV. (COMPETE)
3. Many players seem_____after a long match of more than 120 minutes. (EXHAUST)

III- Fill in the blank with a question word to complete each of the questions.

1. A: _____do you like VTV7 channel?

B: Because it has a lot of educational programmes.

2. A: _____teaches you English?

B: Mr. Nam.

3. A: _____hours do you watch TV every day?

B: About 2 hours.

IV- Put the words or phrases in the correct order.

1. she/ last night/ What time/ call you/ did?

_____

2. on TV/ Did/ football match/ you/ yesterday/ the/ watch?

_____

3. come to/ Why/ his/ didn't you/ birthday party?

_____

ĐÁP ÁN

I - Complete the following sentences using the given words in the box. There is ONE extra word.

1. Đáp án: cartoon

Giải thích: Vị trí cần điền đứng sau mạo từ "The", đứng trước động từ to be "is" nên ta cần một danh từ giữ vai trò chủ ngữ. Dựa vào nghĩa của câu, danh từ "cartoon" (phim hoạt hình) là phù hợp nhất.

Dịch nghĩa: The cartoon is my little boys' favourite programme on TV, especially Tom and Jerry. (*Phim hoạt hình là chương trình yêu thích của các con tôi trên tivi, đặc biệt là Tom và Jerry.)*

2. Đáp án: documentary

Giải thích: Trước vị trí cần điền là mạo từ "a" nên ta cần một danh từ. Dựa vào nghĩa của câu, danh từ "documentary" (phim tài liệu) là phù hợp nhất.

Dịch nghĩa: I watched a documentary yesterday. It gave facts about World War II. *(Tôi đã xem một bộ phim tài liệu ngày hôm qua. Nó đã đưa ra những sự thật về Thế chiến thứ hai.)*

3. Đáp án: equipment

Giải thích: Ta có danh từ ghép: "sport equipment": dụng cụ thể thao.

Dịch nghĩa: Good sport equipment is important to athlete's performance. (*Dụng cụ thể thao tốt rất quan trọng đối với thành tích của vận động viên.)*

II - Give the correct forms of the word in brackets to complete the following sentences.

1. Đáp án: educational

Giải thích: Sau vị trí cần điền là danh từ "purpose" nên ta cần một tính từ. Tính từ phái sinh từ động từ "educate" (giáo dục) phù hợp với nghĩa của câu là "educational" (có tính giáo dục).

Dịch nghĩa: "Conquer the exam" on VTV 7 is made for educational purpose. (*Chương trình "Chinh phục kỳ thi" trên VTV 7 được thực hiện với mục đích giáo dục.)*

2. Đáp án: competitions

Giải thích: Trước vị trì cần điền là danh từ "sport" nên ta cần một danh từ để có một danh từ ghép. Danh từ phái sinh từ động từ "compete" (thi đấu) phù hợp với nghĩa của câu là "competitions" (những cuộc thi đấu).

Dịch nghĩa: Nowadays many interesting sport competitions are live on TV. (*Ngày nay, nhiều cuộc thi thể thao thú vị được phát trực tiếp trên tivi.)*

3. Đáp án: exhausted

Giải thích: Trước vị trí cần điền là liên động từ "seem" nên ta cần một tính từ. Tính từ phái sinh từ danh từ "exhaust" (sự kiệt sức) phù hợp với nghĩa của câu là "exhausted" (kiệt sức).

Dịch nghĩa: Many players seem exhausted after a long match of more than 120 minutes. *(Nhiều cầu thủ dường như kiệt sức sau trận đấu dài hơn 120 phút.)*

III - Fill in the blank with a question word to complete each of the questions.

1. Đáp án: Why

Giải thích: Câu trả lời với "because" (bởi vì) đưa ra lý do vì sao "bạn thích kênh VTV 7" nên từ để hỏi phù hợp là "Why" (tại sao).

Dịch nghĩa:

A: Why do you like VTV 7 channel? (*Tại sao bạn thích kênh VTV 7?)*

B: Because it has a lot of educational programmes. (*Bởi vì nó có rất nhiều chương trình giáo dục*.)

2. Đáp án: Who

Giải thích: Câu trả lời đưa ra thông tin "Mr. Nam" (Thầy Nam.) nên từ để hỏi phù hợp là "Who" (ai).

Dịch nghĩa:

A: Who teaches you English? (*Ai dạy bạn môn tiếng Anh?)*

B: Mr. Nam. (*Thầy Nam*.)

3. Đáp án: How many

Giải thích: Câu trả lời đưa ra thông tin "About 2 hours." (Khoảng hai giờ) nên từ để hỏi phù hợp là "How many" (Bao nhiêu).

Dịch nghĩa:

A: How many hours do you watch TV every day? (*Bạn xem tivi bao nhiêu giờ mỗi ngày?)*

B: About 2 hours. (*Khoảng 2 giờ.)*

IV - Put the words or phrases in the correct order.

1. Đáp án: What time did she call you last night?

Dịch nghĩa: Tối qua cô ấy gọi cho bạn lúc mấy giờ?

2. Đáp án: Did you watch the football match on TV yesterday?

Dịch nghĩa: Bạn có xem trận bóng đá trên tivi ngày hôm qua không?

3. Đáp án: Why didn't you come to his birthday party?

Dịch nghĩa: Tại sao bạn không đến bữa tiệc sinh nhật của anh ấy?